

4 tháng 10 năm 2009

Tiếng Việt Thời Nam-Phong Tạp-chí: **Tiếng Việt của Phạm-Quỳnh**

Phạm-Văn-Hải

Tất cả chúng ta, người nào cũng đã thấy tiếng nói thay-đổi theo thời-gian và không-gian. Tiếng Việt hiện nay khác với tiếng Việt năm 1975. Dù rằng những người nói tiếng Việt còn hiểu nhau, nhưng đã có sự khác biệt, cả trong câu nói hàng ngày lẫn trên sách-vở và tin-tức truyền-thông.

Ở trên mạng cũng như ở trên báo-chí có bao nhiêu bài, bao nhiêu mục nói về tiếng Việt ở Việt-Nam hiện nay.

Bây giờ, người ta không nói là "đút lót" hay "hối-lộ", mà nói là "lịch-sự".

Bây giờ, người ta hay nói tới "tiền lùi". Tiền lùi là tiền đút lót được người nhận bớt cho. Đi năm trăm cây, lùi cho năm chục cây. Bây giờ, người ta gọi là "đều", chúng ta gọi là "giả". Hàng đều, bằng đều, rượu đều, thuốc đều... là hàng giả, bằng giả, rượu giả, thuốc giả...

Người viết còn thêm "Bây giờ cái gì cũng đều-cáng cả:.. Nước mình đang ở thời kỳ đồ đều."

Thành ra, trong khi bàn về sự thay-đổi của tiếng nói đã có màu-sắc chính-trị.

Hôm nay, chúng tôi không trình-bày về sự thay-đổi của tiếng Việt hiện nay. Cứ để thời-gian trôi qua, sự hần-học sẽ theo tiếng nói mà biến-đổi.

Hiện-tại khó nói, chúng ta trở về quá-khứ. Tiếng Việt trong những ngày tháng đã qua hiền-hoà hơn. Nếu không thì cũng không đến nỗi phải nặng lời. Chúng tôi muốn bàn sơ qua về tiếng Việt thời Nam-Phong Tạp-chí.

Nam-Phong Tạp-chí sống gần 20 năm, từ năm 1917 đến năm 1934. Cách đây gần một trăm năm. Gần một trăm năm với bao nhiêu thay-đổi, bao nhiêu cuộc đời. Nếu tính từ năm 1975 tới nay, mới hơn 30 năm, mà sự thay-đổi của tiếng Việt đã làm cho bao nhiêu người phải lao-tâm lao-trí như vậy, thì tiếng Việt thời Nam-Phong Tạp-chí phải khác chúng ta nhiều lắm. May-mắn là những người lao-tâm lao-trí ngày xưa còn sống tới năm 1975, nếu có, cũng không công-bố trên sách-báo. Vì thế, chúng tôi chưa được xem những dòng chữ “hần-học” về tiếng Việt năm 1954, hay tiếng Việt năm 1975.

Thưa quý-vị,

Quý-vị và chúng tôi là những người sinh sau đẻ muộn, nếu nói về tiếng Việt thời Nam-Phong Tạp-chí do Phạm-Quỳnh làm chủ-bút (1917) và về sau là chủ-nhiệm kiêm chủ-bút (1928) không thể nói quàng-xiên.



Bìa trang 4 với hai chữ nho Nam Phong, số 21, tháng 3-1919



Bìa Tạp chí Nam Phong số 22, tháng 4-1919. Phạm Quỳnh chỉ là chủ bút phân quốc ngữ



Bìa Tạp chí Nam Phong số 132, tháng 8-1928. Phạm Quỳnh là chủ nhiệm kiêm chủ bút

Trên Nam-Phong Tạp-chí, có rất nhiều cây bút quan-trọng. Nói chung thì khó nói, nói về từng người thì vừa không đủ sức, vừa không đủ thời-gian để trình-bày.

Cứ nhìn vào danh-sách những người cầm bút đã đủ thấy tầm quan-trọng của tờ tạp-chí này:

- Phạm-Quỳnh
- Nguyễn-Bá-Học
- Trần-Trọng-Kim
- Nguyễn-Triệu-Luật
- Sở-cuông Lê-Du
- Nguyễn-Trọng-Thuật
- Đông-Hồ Lâm-Tấn-Phác
- Tương-Phổ Đỗ-Thị-Đàm
- Dương-Bá-Trạc
- Hoàng-Ngọc-Phách
- Tùng-Vân Nguyễn-Đôn-Phục
- Trương-Phúc-Đình
- Thiên-Đình
- Vũ-Đình-Long

Thôi thì, nói về tiếng Việt của người viết nhiều nhất, người đứng mũi chịu sào, người trong thời-gian đầu phải đỡ trên đỡ dưới, đỡ trái đỡ phải, đỡ trước đỡ sau, và sau này chịu hoàn-toàn trách-nhiệm. Người đó là Phạm-Quỳnh. Người đó có người con út là *ông Phạm-Tuân*, có mặt với chúng ta ngày hôm nay. Trên thực-tế, dù chúng tôi đã bớt một, bớt hai, bớt ba, bớt bốn, từ đề-tài tiếng Việt thời Nam-Phong Tạp-chí tới tiếng Việt của Phạm-Quỳnh, nhưng vẫn thấy còn quá nhiều khó-khăn; nên, chỉ dám nói vài ba điểm về tiếng Việt qua một số bài viết của Phạm-Quỳnh mà thôi.

Phạm-Quỳnh người làng Lương-ngọc, tổng Ngọc-cục, huyện Bình-giang, tỉnh Hải-dương; có tài-liệu viết **Phạm Quỳnh người làng Thượng Hồng, xã Lương Ngọc, phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương**; ra đời ngày 17 tháng 12 năm 1892, tức là cách đây 117 năm. Mới chín tháng, mồ-côi mẹ; chín tuổi, mồ-côi cha, Phạm-

Quỳnh được bà nội nuôi-nấng và dạy-dỗ. Học-hành và lớn lên ở Hà-nội. Như vậy, tiếng Việt của Phạm-Quỳnh là tiếng Hà-nội.

Những người ở Hà-nội di-cư vào miền Nam năm 1954 không nói thứ tiếng Hà-nội bây giờ. Những người nói tiếng Hà-nội năm 1954 và những người nói tiếng Hà-nội ngày nay vẫn còn sống. Hai thứ tiếng đó khác nhau rất nhiều; khác hoàn-toàn; khác đến độ, không ai chịu ai. Còn tiếng Hà-nội của Phạm-Quỳnh và tiếng Hà-nội năm 1954, về giọng-điệu không khác mấy. (Chúng ta có thể kiểm-chứng qua tiếng nói của những người trong gia-đình Phạm-Quỳnh và những người Hà-nội 1954 hiện còn ở quanh chúng ta.) Sự khác-biệt về tiếng nói của Phạm-Quỳnh với chúng ta, những người ở Hà-nội năm 1954 và ở miền Nam năm 1975, có thể thấy qua rất nhiều mặt.

Dễ-dàng nhất là giọng-điệu, như vừa trình-bày, coi như không khác mấy. Nếu có khác thì khác ở sự cung-cách. Lời ăn tiếng nói của Phạm-Quỳnh cẩn-thận hơn thì giọng-điệu và dáng-vẻ trang-trọng hơn con-cái ở trong nhà và những người trẻ ở Hà-nội năm 1954.

Tiếp theo là cách dùng chữ và cách đặt câu.

Về **cách dùng chữ**, có người gọi là cách dùng từ, có người là gọi là cách dùng lời, vì đó là lời nói, vì đó là cách mở lời, mớm lời, ít lời, nhiều lời... Phạm-Quỳnh và chúng ta khác nhiều hơn giống.

* Các chữ Phạm-Quỳnh thường dùng nhất:

Thời Nam-Phong Tạp-chí (qua các bài viết của Phạm-Quỳnh) là **nhón** bây giờ là **lón**. (54)¹

nhón-nhao	bây giờ là	lón-lao (13, 54)
tự	-	từ (16)
Giở về đất cũ	-	trở về (27)
rộn rịp	-	nhộn-nhip (30)
Dở hay cũng bởi tính giời biết sao?	-	trời (24)
mệnh Giời (26), thay Giời đẹp giặc	-	trời (27)

¹ Số trang trong một số tác-phẩm của Phạm-Quỳnh được in lại, phòng hờ có người muốn xem tận mắt.

Từ Ninh-bình **giở** vào mới thấy nhiều núi non, trước còn thấp, rồi cao dần lên mãi. - trở (15)
 Ngày nay, quanh chúng ta, chỉ còn rất ít người lớn tuổi còn dùng những chữ này, những lời này.

* Phạm-Quỳnh dùng những lời, những nhóm lời, nay không thấy nữa, như:

hội đấu hoa (51)
 Tế Giao **đính-nhật** đêm ngày 12 rạng 13 tháng 2 **an-nam** (tức là 24-25 tháng 3 **tây**) (30)

Lính cảnh-sát có ít mà trên đường vẫn có trật-tự, không hề thấy đám đánh nhau chửi nhau, ồn-ào rộn rịp, thứ nhất là không có cái tiếng rất khả-ô là tiếng *cập-kè* của bọn sầm chợ, như những khi hội-hè ở ngoài ta. (30)

(Chúng tôi đã mở một số từ-điển mà không hiểu *cập-kè* của bọn sầm chợ là gì.)

Loại này nhiều lắm.

* Trong văn của Phạm-Quỳnh có những lời mới như Miền Nam ngày nay, như:

Có chậu bông đẹp (51)

* Phạm-Quỳnh dùng rất nhiều tiếng Hán-Việt khác đời sau (Nhưng may-mắn là mở từ-điển Hán-Việt còn hiểu được nghĩa):

- **Miền hải-tân** (= hải-tân = bờ biển, miền ven biển) (19)

- Tế Giao **đính-nhật** đêm ngày 12 rạng 13 tháng 2 **an-nam** (tức là 24-25 tháng 3 **tây**) (30) (**đính-nhật** = **định ngày**) (**Âm-lịch**, **dương-lịch**)

- **kỹ-thuật** (52)

- Ở Kinh mà không đi **cung-chiêm** các Tôn-lăng thì cũng là uổng mất cái công tự Hà-nội về đây. (52)

* Cũng có những lời xưa thật xưa:

- Xưa **chậy Kinh** mất hai mươi ngày, nay nhờ có xe hỏa xe hơi đi đường bộ chỉ vừa đầy hai ngày tròn. Bắt đầu đi từ Hà-nội ngày 19 tháng 3 **tây**, ngày 21 tới Huế. (13)

- ở chốn **Trường-an** (13) (Trường-an là kinh-đô ngày xưa của Tàu. Phạm-Quỳnh định nói là Huế.)
- chuyện Trường-an (24)
- Nhân dịp tế Nam-Giao tôi có về chơi Huế, thật là **phi** cái lòng mong mỗi bấy lâu nay. (13)

Những thí-dụ như vậy ở bài viết nào của Phạm-Quỳnh cũng có. Cho nên, nhìn vào từng câu, từng đoạn, từng bài, chúng ta sẽ thấy tiếng Việt của Phạm-Quỳnh đã khác chúng ta.

Đi thêm vào chi-tiết, một hai tiếng đồng-hồ không đủ để nói tới một phần. Nhưng nói đại-khái, chúng ta có thể thấy ngòi bút của Phạm-Quỳnh thể-hiện ở mỗi lãnh-vực một khác.

Để thấy nhất là lãnh-vực một nhà báo bình-thường, một nhà báo như mọi nhà báo khác.

Lãnh-vực thứ hai, một nhà báo giữ vai trò của một ông thầy.

Lãnh-vực thứ ba, một nhà báo phải đương đầu với áp-lực của chính-trị. Nói rõ hơn là một nhà báo người Việt, mà thời của Phạm-Quỳnh gọi là người An-Nam, ở dưới thời bị Pháp bảo-hộ. Nói tới Nam-Phong Tạp-chí, Phạm-Quỳnh cũng chỉ là một chủ-bút phần tiếng Việt, ở dưới quyền của một người Pháp, chịu bao nhiêu sức ép nặng-nề và ghê-gớm của những kẻ coi người Việt như cỏ-rác. Người Pháp muốn dùng Nam-Phong Tạp-chí để củng-cố địa-vị cho người Pháp, Phạm-Quỳnh muốn dùng Nam-Phong Tạp-chí để có lợi cho người Việt, để mở-mang dân-trí, để người Việt theo kịp người Pháp về mọi mặt. Có thể nói đây là thứ tiếng Việt của nhà chính-trị Phạm-Quỳnh.

Ngoài ra, ngòi bút của Phạm-Quỳnh còn thể-hiện nhiều thứ tiếng Việt khác, thí-dụ thứ tiếng Việt của một nhà thương-thức thơ-văn.

Loại thứ nhất: Tiếng Việt Hàng Ngày của Phạm-Quỳnh

Thứ tiếng Việt này của Phạm-Quỳnh dễ nhận nhất.

1.1. Phạm-Quỳnh viết:

Trăm con đường đều quay đầu về thành La-mã. (24)

Nếu là chúng ta, có lẽ có người sẽ viết là:

Trăm đường đều về La-mã.

hay

Đường nào cũng về Rô-ma.
Chúng tôi không bàn tới hay hay dở, chúng tôi chỉ dám nói là khác,
là hơi rườm-rà hơn hay là dịch từ tiếng nước ngoài.

1.2. Phạm-Quỳnh viết:

Bình-sinh tôi học-vấn được **đến đâu**, tư-tưởng được **đến đâu**, hi-vọng được **đến đâu**, bấy giờ **tựa hồ như** con sông vỡ đê mà tràn ngập cả trong **tâm-giới** tôi vậy. (25)

Theo chúng tôi, chúng tôi thấy xưa ở bốn điểm: (1) Tôi học-vấn; (2) đến đâu; (3) tựa hồ như; và (4) tâm-giới.

1.3. Phạm-Quỳnh ưa-thích câu cảm-thán chấm dứt bằng **thay**:

Ngán **thay**! (17)

Rực-rỡ **thay**! Vẻ-vang **thay**! (27)

Vẻ-vang **thay**! (70)

Kỳ **thay**! (55)

Khó lắm **thay**! (41)

Quý hoá **thay**! (78)

Câu nói có thú vị hoạt kê **thay**! (424)

Khá khen **thay** là những nhà chủ-trương hội ấy, không sẵn người sẵn đồ mà kẻ giúp công người giúp của, vì việc nghĩa gây nên một cuộc vui rất tao-nhã. (51)

Thay làm chúng tôi nhớ tới câu *Kiều*:

Đau-đớn thay phận đàn bà!

(Phạm-Quỳnh yêu-thích Truyện Kiều, nên hay dùng câu cảm-thán chấm-dứt bằng **thay** cũng là điều tự-nhiên.)

Các câu văn loại này thấy ở rất nhiều bài:

Ôi ở trong câu:

Ôi! Cái hồn thơ của cha ông! (16)

Ôi! Cỗ-nhân có tính hay thơ, mà tôi đây thực là thơ-thần **vậy**.

(24)

Than ôi ở trong câu:

Than ôi! Khoảng vắng đường dài, trên rừng dưới bể, lão ở đâu đến, lão ngồi chi đây? (21)

Vả ở trong câu:

Vả mục-đích tôi về Kinh là muốn xem những cảnh-tượng cũ của nước nhà.

Vả cái khí-vị của phong-cảnh Huế không phải là cái khí-vị hùng-tráng, mà là cái khí-vị mĩ-diệu... (29)

Há và ru trong câu:

Ngoài những khi ngồi xe như lúc này, cái tư-cách ấy há đáng người ta thềm lăm ru? (17)

1.4. Kẻ “ý-trung-nhân” của người An-nam ta là một người đàn-bà da trắng tóc dài, hình-dung yếu-điều... mà phải có bộ răng đen nhay-nháy mới được. (341)

Nguyên chữ “kẻ” đứng trước “ý-trung-nhân” đã thấy cổ rồi. Lại còn phải có bộ răng đen nhay-nháy nữa.

Thưa quý-vị, chúng tôi thích câu này nhất, vì hợp nhiều người như Phạm-Quỳnh, hay ít nhất trong giờ phút này hợp với kẻ đang thưa chuyện với quý-vị. Người đàn bà như thế mới là người trong mộng, mới là người lí-tưởng.

1.5. Qua tiếng Việt của Phạm-Quỳnh, chúng ta thấy lối sống ngày xưa. Thí-dụ như:

* Ngoài ta không hạng người nào bại-liệt bằng hạng phu xe: ở Huế bọn phu xe cũng có lễ phép, không hề nói tục nói láo bao giờ. Cái nhân-phẩm của phu xe Huế còn cao hơn phu xe Hà-nội gấp mấy lần vậy. (34)

Ngoài ta là ở Hà-nội, ở các thành-phố lớn ngoài Bắc.

* Nhưng làm thế nào cho các thầy lính canh cửa (vừa lính ta vừa lính tây) hiểu được cái nghĩa-vụ của nhà báo như thế? Khó lắm thay! Vậy tôi cứ đường-đột vào. Đến chặng canh thứ nhất mấy thầy lính ta hỏi: “Ông đi đâu?” Tôi nói: “Tôi vào có việc, đã có giấy quan Khâm đây.” Tôi đưa cho xem cái giấy chiều hôm trước, chắc rằng các thầy chẳng hiểu chữ chi chi. Quả nhiên soi vào đèn thấy chữ tây cả, giả lại tôi, rồi cứ để cho vào. Cách mấy thước lại gặp thầy lính tây bồng sung đứng đấy. Thấy tôi vào nói: “Không được vào!” Tôi nói: “Đã có phép đây.” Tôi lại chìa cái giấy kia ra. Chỗ ấy bóng cây tôi, thầy nhìn mãi không đọc ra chữ gì, sau nhận

sắc giấy nói: “Phải có giấy đỏ mới được vào, giấy trắng không được.” Tôi nghĩ ngay một kế nói liền: “Tôi đi theo **quan** Toàn-quyền ngài sắp tới, đây là giấy phép riêng, phải để tôi vào mới được.” **Thầy** ngần-ngại một lúc, rồi trao lại tôi cái giấy, cứ để cho vào. Thế là thoát nạn! (42)

Loại thứ hai: Tiếng Việt của Ông Thầy Phạm-Quỳnh

2.1. Phạm-Quỳnh đề-cao vai-trò của chữ Quốc-ngữ, đề-cao tiếng Việt. Phạm-Quỳnh thích truyện Kiều. Cho đến nay, gần như những người tìm-hiểu về Phạm-Quỳnh cũng để ý tới câu:

Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn.



2.2. Phạm-Quỳnh nghiên-cứu về mọi vấn-đề liên-quan tới học-thuật và văn-hoá. Phạm-Quỳnh là người khởi công xây-dựng nền văn-học mới. Phạm-Quỳnh là tác-giả nhiều công-trình quý-giá:

*Bàn về quốc học,
Quốc học với quốc văn,
Văn quốc ngữ,*

Bàn phiếm về văn hóa Đông Tây...

Phương pháp luận

Văn học nước Pháp

Khảo về tuyến thuyết

Thơ ta thơ Tây

Đẹp là gì?

Không giáo luận

Phật giáo lược khảo...

Phạm-Quỳnh nghiên-cứu thơ-văn Việt-Nam, tục-ngữ ca-dao, hát ả-đào...

Phạm-Quỳnh viết du-kí Mười ngày ở Huế, Một tháng ở Nam kỳ, Pháp du hành trình ký, Du lịch xứ Lào...

vân vân... và vân vân...

Ở lãnh-vực nào Phạm-Quỳnh cũng tỏ ra là một ông thầy. Chính Phạm-Quỳnh dịch truyện nước ngoài. Thí-dụ như:

Truyện người lính bằng tuyết (NPTC, số 2, 1917, trang 121.)

Truyện cái đầu đỏ (NPTC, số 3, 1917, trang 193.)

Truyện anh chàng đi khắp thiên hạ để học run (NPTC, số 50, 1921, trang 138.)

...

Ngay trong truyện thứ nhất, Phạm-Quỳnh viết "... các nhà văn sĩ ta có thể bắt chước mà làm bằng tiếng nôm, vì lối tiểu thuyết dài thì hiện nay người nước ta còn chưa có đủ tư cách mà khởi hành được." (NPTC, số 2, 1917, trang 121.)

Vì thế, khi Phạm duy Tôn viết truyện Sống chết mặc bay, Phạm-Quỳnh không tiếc lời ca-ngợi: "... Mỗi bài văn của ông như một tấm ảnh phản chiếu cái chân tướng như hệt."

Giáo sư Thanh Lãng trong cuốn “Phê bình văn học, Thế hệ 1932” cũng phải công-nhận “... Muốn hiểu văn học Việt Nam vào hồi này (1913 –1932) không gì tốt hơn cho bằng nhìn vào Nam Phong. Nam Phong là linh hồn, Nam Phong là tất cả văn hoá thế hệ 1913 – 1932.”

Quả không sai, người thời đó coi trọng Nam-Phong Tạp-chí vì rất nhiều bài có giá-trị của Phạm-Quỳnh. Phạm-Quỳnh xứng-đáng là một bậc thầy khả-kính.

2.3. Tuy-nhiên, theo chúng tôi, dù Phạm-Quỳnh là một nhà báo tài-giỏi, là một ông thầy xứng-đáng là một ông thầy, nhưng Phạm-Quỳnh cũng chỉ là một người. Đã là con người thì ai cũng có lỗi-lầm.

Ngay trong số Nam-Phong Tạp-chí đầu tiên đã có bài của Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu. Năm 1918, chính Phạm-Quỳnh khen cuốn “Khối tình con I”; nhưng lại dùng những lời nặng-nề khi viết về cuốn “Giấc mộng con I”. Sau bài đó, Tản-Đà không cộng-tác với Nam-Phong Tạp-chí nữa.

Thật ra, Tản-Đà tuy có tài nhưng cũng có nhiều cái rất khó thương; bị nhiều người ghét. Trên báo Phong Hoá, Hoàng Đạo chế-giễu nhà bằng một bức tranh “Ông Nguyễn Khắc Hiếu dạy văn chương” Tản-Đà vừa dạy học vừa uống rượu với hàng chữ “Các ngài muốn hỏi tôi cách làm thơ ru? Khó gì đâu: tửu nhập thi xuất!”



Tờ “Ngày nay” cũng mạt-sát Tản-Đà, nhưng sau nay lại mời Tản-Đà hợp-tác.

Chúng tôi chưa có tài-liệu nào nói tới Phạm-Quỳnh và Tản-Đà nói lại tình thân-thiện thừa xua. Thật đáng tiếc!

Sau này, Phạm-Quỳnh và Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng, Phan-Khôi đã nặng lời với nhau về vấn-đề Truyện Kiều. Người đương-thời cũng như người đời sau gọi là “Vụ Án Truyện Kiều”. Có lẽ “cả giận mất khôn”², Phạm-Quỳnh đã dùng những lời, những câu không nên dùng.

Loai thứ ba: Tiếng Việt của Nhà Chính-tri Phạm-Quỳnh

Đối với những người ghét Phạm-Quỳnh, Phạm-Quỳnh có hai tội: (1) bán nước, và (2) là tay sai đặc-lực cho thực-dân Pháp.

3.1. Về tội thứ nhất, nhiều tài-liệu ghi lại câu trả lời của Phạm-Quỳnh: “người ta bảo tôi bán Nước. Khi tôi ra đời, nước đã mất rồi, còn đâu mà tôi bán.”

3.2. Về tội thứ hai, chúng ta có thể căn-cứ vào *Bản phúc trình (tối mật) đề ngày 8-1-1945 của Khâm sứ Trung Kỳ Haelewyn gửi cho Toàn quyền Đông Pháp Jean Decoux và Tư lệnh Đại tướng Mordant*. Năm 1995, Nguyễn Phước Bửu Tập đã công bố bản dịch tiếng Việt trong Ngày Phạm Quỳnh tổ chức ở California:

“Thêm một lần nữa, Thượng thư Nội vụ (Phạm Quỳnh) lại cực lực phiên trách chúng ta về việc trưng dụng lúa gạo để cung cấp cho Nhật.

Phạm Quỳnh lặp lại điệp khúc yêu cầu chúng ta hoàn trả Bắc Kỳ về cho Hoàng Triều như Pháp quốc đã hứa. Tôi đã lưu ý Hoàng đế Bảo Đại về thái độ bướng bỉnh vượt quá thẩm quyền ông ta đòi nói rộng quyền hạn của Viện Cơ Mật. Hiện tôi đang chờ đợi một phản ứng khác bùng nổ từ ông ta nếu như chúng ta không chịu nhận sự bổ nhiệm một Khâm sai Hoàng Triều trên cõi Bắc Kỳ. Chủ quyền bảo hộ của chúng ta lại một lần nữa bị xúc phạm. Phạm Quỳnh đòi

² Tục-ngữ.

hỏi chúng ta trong một thời hạn ngắn nhất, cụ thể nhất, phải hợp thức hoá việc phục hồi chủ quyền của Vương triều trên lãnh thổ Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Phạm Quỳnh còn hăm he sẽ thúc đẩy các phong trào chống đối, nổi dậy nếu như chúng ta không đặt vấn đề thương thảo với Hoàng đế Bảo Đại trong những tháng trước mắt về một quy chế mới nhằm cải biến chế độ bảo hộ sang quốc gia liên hiệp như thể chế Commonwealth, mà trong đó những địa vị quan trọng phải nằm trong tay người bản xứ.

Những yêu sách của Phạm Quỳnh cứ là thiết lập một nền tự trị toàn diện cho Bắc Kỳ và Trung Kỳ, đồng thời chấm dứt chế độ thuộc địa Nam Kỳ, tiến tới việc hình thành một quốc gia Việt Nam.

Tôi xin lưu ý quý ngài về sự kiện này, bên ngoài Phạm Quỳnh tuy nhã nhặn, hoà hoãn, nhưng ông ta là một phần tử bất khả phân trong chủ trương giành độc lập cho Việt Nam và chúng ta đừng mong làm gì với lòng ái quốc chí thành, bắt di bắt dịch nơi ông ta, dù qua việc chúng ta đã dành cho ông một chức vị tối danh dự đã có.

Cho đến hiện thời, ông ta là một đối thủ thận trọng, chừng mực nhưng kiên quyết trước vấn đề bảo hộ của Pháp quốc, do đó Phạm Quỳnh sẽ có thể trở thành kẻ đối địch bất khả quy của chúng ta, nếu như một khi ông ta bị lôi cuốn bởi lời hứa hẹn của Nhật Bản cho một chủ thuyết Đại Đông Á.”

Nguyễn-Công-Hoan cũng viết "...Phạm Quỳnh, trái lại chủ trương thuyết lập hiến. Người Pháp nên thi hành đúng Hiệp ước 1884 nghĩa là chỉ đóng vai trò bảo hộ còn công việc trong nước thì để vua quan người Nam tự đảm nhiệm lấy. Bấy giờ Phạm Quỳnh vào Huế làm quan không phải vì danh. Quốc dân biết tên Phạm Quỳnh hơn nhiều Thượng thư Nam Triều. Mà cũng chẳng phải vì lợi. Đơn cử làm chủ bút Nam Phong, Phạm Quỳnh được cấp 600 đồng một tháng. Món này to hơn lương Thượng thư. **Phạm Quỳnh ra làm quan chỉ đổi lấy danh nghĩa Chính phủ Nam Triều đòi Pháp trở**

lại Hiệp ước 1884. Vậy là một người yêu nước như Phạm Quỳnh sở dĩ phải có mặt trên sân khấu chính trị chẳng qua là một việc miễn cưỡng trái với ý mình để khuyến khích bạn đồng nghiệp làm việc cho tốt hơn chứ thực lòng một người dân mất nước ai không đau đớn ai không khóc thầm. Thế là tôi nghĩ ra được truyện Kép Tư Bền tả một anh kép nổi tiếng về bông lơn đã phải vì giữ tín nhiệm với khán giả mà lên sân khấu nhà hát làm trò cười ngay cái tối cha mình đang hấp hối" (Đời viết văn của tôi - Nhà Xuất Bản Văn học Hà Nội năm 1971).

Nếu không có chứng-cớ để bác hai tài-liệu này thì Phạm-Quỳnh không phải là tay sai của Pháp.

Nói tóm lại, Phạm-Quỳnh không có tội mà chỉ có công.

Về tiếng Việt của nhà chính-trị Phạm-Quỳnh quả thật có ôn-hoà và ngả theo nhà Nguyễn. Ít nhất là sau này, Phạm-Quỳnh có làm quan với nhà Nguyễn: 1932 Đồng lí Ngự tiền Văn Phòng, 1933 Thượng thư bộ Học kiêm Đồng lí Văn phòng (Phạm-Gia-Phụng viết: tổng lý văn phòng), 1942 Thượng-thư bộ Lại trong Cơ Mật Viện của triều Bảo Đại cho đến khi Nhật đảo chánh Pháp tháng 3-1945.

* Có những lời tuy khác ngày nay, nhưng hợp với thời của Phạm-Quỳnh, ở dưới triều-đại của nhà Nguyễn, như:

Sau bị giặc Tây-sơn trộm giữ trong ba mươi năm. (Phạm-Quỳnh đã cẩn-thận, dịch một đoạn trong *Đại-Nam nhất-thống chí*, thiên Kinh-sur.) (27)

Phạm-Quỳnh gọi Tây-Sơn là giặc. Tất-nhiên Tây-Sơn là giặc với Nhà Nguyễn, không phải giặc với người Việt.

Nhưng không phải vậy. Trong bài Quốc học với chính trị trên Nam-phong Tạp-chí, số 165 tháng 8-9 năm 1931, Phạm-Quỳnh viết:

Nhưng than ôi! Bây giờ hèn bà Trưng bà Triệu, vua Lê Tổ, vua Quang Trung dưới chín tuổi, cũng phải xót sa mà than khóc cho lũ con cháu vô loài này. (424)

* Phạm-Quỳnh cũng như mọi người dân thừa đó, rất lễ-phép với quan-lại và công-dân mẫu-quốc (Pháp):

Nên buổi chiều hôm ấy các **quan tây** các **bà đầm** đến xem đông lắm. (40)

Hoàng-thượng, **quan** Toàn-quyền, các **quan tây quan ta** đến xem đông lắm. (51)

Tiếng Việt loại này đã thấy trong thơ Nguyễn-Khuyên và Trần-Tế-xương:

Bà quan tênh-hếch xem bơi trái.

(Nguyễn-Khuyên)

Trên ghề bà đầm ngoi đít vịt.

Dưới sân ông cử ngồng đầu rồng.

(Trần-Tế-Xương)

* Lời-lễ thì nhún-nhường lễ-phép, nhưng đòi-hỏi thì lại cứng-rắn: Xin Đại Pháp cho Đông Pháp một cái hiến pháp rộng hơn cho hợp với trình độ dân ngày nay.

Xin được tự do lập hội và họp tập.

Xin cho các quan lại Tây Nam được bỏ dụng bình đẳng theo cái lệ: tư cách bằng nhau, quyền chức bằng nhau, công việc bằng nhau, lương bổng bằng nhau. (NPTC, số 95, 5-1925.)

Tiếng Việt trong như câu loại này không khác gì tiếng Việt của chúng ta hiện nay.

Trong bài Quốc học với chính-trị, Phạm-Quỳnh viết "... Nhưng không bao giờ tôi nghĩ rằng biến thành người Pháp được. Người Pháp là người Pháp, tôi vẫn là tôi.

Thì ra trong lời nói, trong câu văn, Phạm-Quỳnh lúc nào cũng là người Việt. Cho nên, khi biết Bùi Quang Chiêu tỏ ra mình tây hơn tây (NPTC, số 165, 8-9 năm 1931), Phạm-Quỳnh đã than:

Nhưng than ôi! Bây giờ hôn bà Trưng bà Triệu, vua Lê Tổ, vua Quang Trung dưới chín tuổi, cũng phải xót sa mà than khóc cho lũ con cháu vô loài này. (424) (Mới trích ở trên)

Loại thứ tư: Tiếng Việt của một nhà thương-thức thơ-văn.

Phạm-Quỳnh đề-cao Truyện Kiều “Văn chương mình chỉ độc có một quyển vừa là kinh vừa là truyện, vừa là thánh-thư phúc âm của cả một dân tộc, ví lại khuyết mất thì dân tộc ấy đến thế nào.” (NPTC, số 86, 1924, trang 91.)

Vì Phạm-Quỳnh đề-cao Truyện Kiều, nên bị nhiều người nổi tiếng như Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng, Phan-Khôi chống-đổi, bài-bác. Ngô-Đức-Kế trên Hữu Thanh Tạp-chí (số 21, 1-9-1924) đã viết: “Thế mà ngày nay “đức” văn sĩ giả dối ta biểu dương truyện Kiều làm sách “quốc văn giáo khoa” (sách dạy), làm sách sư phạm giảng nghĩa” (sách thầy). Văn sĩ thường nói rằng: “học Hán văn là học mượn, học Pháp văn là học mượn, học quốc văn mới là học nhà: truyện Kiều tức là sách nhà đó.” (ThL, 389)

Nói vậy cũng có phần chủ-quan, Phạm-Quỳnh không phải chỉ đề-cao Truyện Kiều mà còn nghiên-cứu về thơ-văn Việt-Nam, tục-ngữ ca-dao Việt-Nam nữa.

Công-bằng mà nói, cả hai bên đều không đủ bình-tĩnh khi tranh-luận.

Gần đây ông Phạm-Tuân, con út của Phạm-Quỳnh, cho tôi một tập thơ Đỗ-Phủ do Phạm-Quỳnh dịch sang tiếng Việt và chú-thích, mới thấy văn của Phạm-Quỳnh còn gần chúng ta lắm. Thí-dụ như ở trang 6 có câu: “Vừa gặp loạn An lộc sơn, vua chạy vào đất Thục, Phủ cũng tránh nạn về Tam-xuyên”, trang 46: “Anh em tôi từng làm quan to, đều bị giặc giết. Chồng tôi vội lấy vợ mới mà bỏ tôi.”

Thưa quý-vị,

Thời-giờ thì ít mà những điều muốn trình-bày còn nhiều. Có duyên thì sẽ có dịp gặp lại. Người biết một thường hay nói mười. Chúng tôi chưa biết về Phạm-Quỳnh được một phần mà muốn nói cả trăm phần, nên lỗi-làm phải có. Nhưng chúng tôi không ngại, vì quý-vị lúc nào cũng rộng lượng, không chấp-nhất. Xin hẹn quý-vị vào một dịp khác.



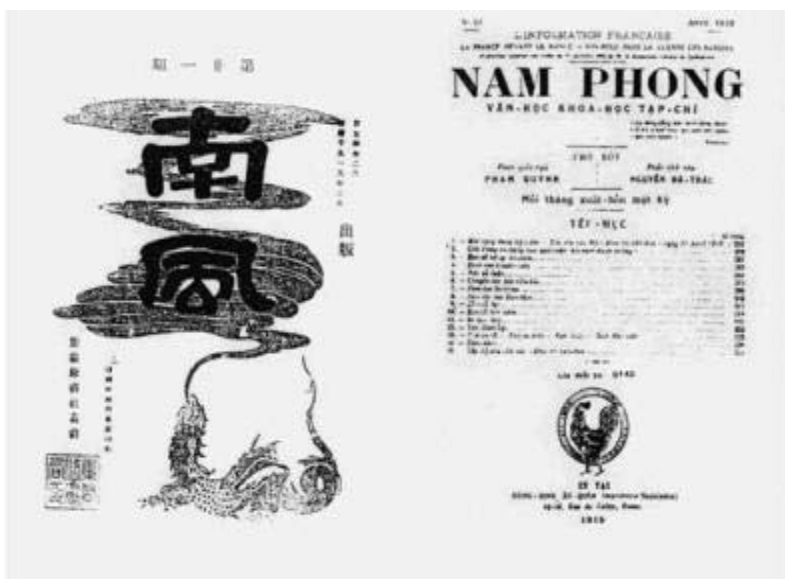
Phạm Quỳnh, chủ bút trẻ của tạp chí Nam Phong



Phạm Quỳnh năm 1922 tại Pháp



Phạm Quỳnh, chủ nhiệm kiêm chủ bút Tạp chí Nam Phong năm 1930 tại Hà Nội



Bìa trang 4 với hai chữ nho Nam Phong, số 21, tháng 3-1919



Bìa Tạp chí Nam Phong số 22, tháng 4-1919. Phạm Quỳnh chỉ là chủ bút phần quốc ngữ

Bìa Tạp chí Nam Phong số 132, tháng 8-1928. Phạm Quỳnh là chủ nhiệm kiêm chủ bút